

Số: 439 /QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 02 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2011-2015), công suất 20.000 m³/ngày đêm (là dự án thành phần thuộc dự án cấp nước và thoát nước đô thị Việt Nam Giai đoạn I vốn vay WB)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 48/2008/QĐ-TTg ngày 03/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hướng dẫn chung lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức của 5 nhóm ngân hàng (Ngân hàng Phát triển Châu Á, Cơ quan Phát triển Pháp, Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng Tái thiết Đức, Ngân hàng Thế giới);

Căn cứ Công văn số 1366/TTg-QHQT ngày 06/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án các tỉnh tham gia giai đoạn I khoản vay cấp nước và nước thải đô thị vay vốn WB;

Căn cứ Công văn số 225/TTg-QHQT ngày 18/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, thay đổi nguồn vốn cho dự án do WB tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 6565/BKH-KTĐN ngày 19/9/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục chi tiết các dự án tham gia giai đoạn I khoản vay cấp nước và nước thải đô thị, vay vốn WB;

Căn cứ Công văn số 829/BKHĐT-KTĐN ngày 15/02/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thay đổi tổng mức đầu tư của các dự án thành phần tại địa phương thuộc dự án Cấp nước và nước thải đô thị - giai đoạn I;

Căn cứ Công văn số 1152/BKHĐT-KTĐN ngày 28/02/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt điều chỉnh các dự án thành phần thuộc dự án Cấp nước và nước thải đô thị - giai đoạn I, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước tại Tờ trình số 34/TT.CTN ngày 26/02/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2011-2015), công suất 20.000 m³/ngày đêm với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2011-2015), công suất 20.000 m³/ngày đêm.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường.

4. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Vũ Tuấn Thành.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Cung cấp nước sạch cho người dân thị xã Đồng Xoài và nước sạch phục vụ sản xuất cho khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (đến năm 2020);

- Góp phần vào quá trình phát triển các ngành kinh tế khác thông qua việc cấp nước cho các khu công nghiệp, các ngành dịch vụ;

- Góp phần giảm chi phí y tế, giảm dịch bệnh liên quan đến nguồn nước;

- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, nâng cao dân trí;

- Tạo cơ sở để thị xã Đồng Xoài phát triển bền vững.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

- Công trình thu lấy nước từ hồ Đồng Xoài và tuyến ống nước thô D630 dài 3.100 m từ hồ Đồng Xoài về nhà máy nước Đồng Xoài nằm trên đường ĐT 741.

- Xây mới hệ thống nhà máy xử lý nước công suất 20.000 m³/ngày đêm đặt tại xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Xây dựng tuyến ống chính chuyên tải nước sạch HDPE D710 dài 6.660m dẫn về thị xã.

- Mở rộng mạng lưới cấp nước thị xã Đồng Xoài và cung cấp nước sạch đến các khu công nghiệp Đồng Xoài I và Bắc Đồng Phú sử dụng tuyến ống phân phối có đường kính từ D20 đến D630 dài 72.200m (trong đó: ống HDPE D630: 1.635m; D335:11.395m; D280:3.670m; D 225:3.000m; D180:7.000m; D125: 15.500m; D63:15.000; D20:15.000m).

- Lắp đặt 4.000 cái đồng hồ lưu lượng D15; lắp đặt 80 trụ cứu hỏa và các phụ kiện tổng cho các tuyến.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Đồng Phú và thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

8. Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích đất sử dụng là 4,05ha, trong đó:

- Diện tích xây dựng nhà máy là 3,96ha;

- Diện tích trạm bơm cấp I là 0,09ha.

9. Phương án xây dựng:

9.1. Công trình thu, trạm bơm nước thô:

9.1.1 Công trình thu: Gồm cửa thu nước và đoạn mương dẫn vào trạm bơm nước thô dài 15m, chiều rộng mương 20m được đào sâu xuống lòng hồ 3,5m; vị trí cửa thu có cao độ 87,0m.

9.1.2 Trạm bơm nước thô (bơm cấp 1):

Trạm bơm cấp 1 được xây dựng trên bờ, trong một khuôn viên 30m x 30m và được san nền lên đến cao độ +96,2m.

Vỏ bao che trạm bơm cấp 1: Kích thước tổng cộng là 16m x 18m, trong đó phần lắp đặt máy bơm kích thước 6m x 13m, gian điều khiển kích thước 6m x 13m; gian lắp đặt máy bơm chìm sâu trong đất 8,5m, gian điều khiển nổi trên mặt đất. Trạm bơm được xây dựng với phần chìm, khung, cột, mái bằng BTCT đổ tại chỗ, tường xây gạch.



Máy bơm lắp đặt: Lắp đặt 3 máy bơm ly tâm trục ngang có thông số kỹ thuật: $q = 420 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 95 \text{ m}$, $N = 250 \text{ kw}$, (hai máy bơm hoạt động, một máy bơm dự phòng).

9.1.3. Các hạng mục phụ trợ:

- Công, hàng rào: Hàng rào có móng trên cọc BTCT, phần dưới xây đá hộc làm tường chắn đất, phần trên xây gạch. Tổng chiều dài của công, hàng rào là 120m.

- San nền: Cao độ hiện tại từ +92,5m đến +96,2m, san nền lên 3,7m để bằng cao trình của đập.

- Sân đường nội bộ (làm bằng tấm đan BTCT).

9.1.4. Hệ thống điện:

- Nhà trạm máy phát dự phòng kích thước 6m x 8m, lắp đặt máy phát dự phòng có công suất 700 KVA;

- Trạm biến áp 560 KVA - 22/0,4KV treo trên cột;

- Xây dựng 3.200m đường dây trung thế 22 KV;

- Tủ điện và lưới điện hạ thế từ trạm biến áp đến các phụ tải tiêu thụ điện.

9.2. Đường ống chuyển tải nước thô:

Lắp đặt 3.100 m ống HDPE D630 dọc theo đường nội bộ Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú, đường đất dẫn đến nhà máy xử lý.

9.3. Nhà máy xử lý:

Nhà máy xử lý được xây dựng trong khuôn viên 150m x 220m, cao độ tự nhiên khoảng 161,5m đến 164,5m, san nền đến cao độ 163m đến 164m.

9.3.1. Bể trộn:

Xây dựng bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, kích thước 5m x 5m x 5,3m, xây nổi trên mặt đất.

9.3.2. Bể phản ứng, bể lắng:

Bể phản ứng, bể lắng được xây dựng hợp khối, kích thước tổng cộng là 20m x 40m x 4,5m. Bể được xây dựng bằng BTCT đổ tại chỗ. Bể phản ứng, bể lắng ngang được chia thành 4 ngăn độc lập, được xây nổi trên mặt đất.

9.3.3. Bể lọc nhanh:

Bể lọc có kích thước tổng cộng là 18m x 19m x 3,9m, bao gồm cả hành lang công tác và gian quản lý điều khiển. Bể được chia làm 8 ngăn lọc, diện tích lọc của mỗi ngăn là 20m^2 , vận tốc lọc ở điều kiện bình thường 5m/h, bố trí mỗi bên 4 ngăn lọc với hành lang công tác ở giữa và gian điều khiển ở trên; vật liệu lọc là cát thạch anh có đường kính hạt từ 0,5mm đến 1,25mm; chiều dày 1,05m.

Rửa lọc bằng gió, nước kết hợp với cường độ rửa nước là $4,2 \text{ l/s.m}^2$ và cường độ rửa gió là 18 l/s.m^2 . Phân phối nước rửa lọc, gió rửa lọc trong bể lọc, dùng sàn bê tông cốt thép gắn chụp lọc nhựa đuôi dài loại 49 cái/m^2 , các van tại bể lọc đều dùng van điện và điều khiển tại gian điều khiển. Bể lọc được xây dựng bằng BTCT đổ tại chỗ, xây nổi trên mặt đất.

9.3.4. Bể chứa nước sạch:

Bể chứa nước sạch có dung tích 6.000 m^3 ; kích thước $40\text{m} \times 40\text{m} \times 4,5\text{m}$, xây dựng bằng BTCT đổ tại chỗ, xây chìm trong đất $3,3\text{m}$, nổi trên mặt đất $1,5\text{m}$.

9.3.5. Trạm bơm cấp nước sạch và rửa lọc:

- Vỏ bao che: Kích thước tổng cộng là $8,5\text{m} \times 29\text{m}$, gian đặt máy bơm nước kích thước $8,5\text{m} \times 20\text{m}$, gian đặt bơm gió kích thước $8,5\text{m} \times 4,3\text{m}$, gian đặt tủ điện điều khiển kích thước $8,5\text{m} \times 4,3\text{m}$. Gian đặt bơm nước chìm sâu trong đất $2,5\text{m}$, gian đặt bơm gió, điều khiển nổi trên mặt đất. Trạm bơm được xây dựng với phần chìm, khung, cột, mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch.

- Máy bơm lắp đặt:

+ 3 máy bơm nước sạch có thông số kỹ thuật: $q = 640 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 15\text{m}$, $N = 35\text{kW}$;

+ 2 máy bơm nước rửa lọc có thông số kỹ thuật: $q = 420 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 15\text{m}$, $N = 30\text{kW}$;

+ 1 máy bơm gió rửa lọc có thông số kỹ thuật: $q = 1.360 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 5 \text{ m}$, $N = 35\text{kW}$.

9.3.6. Nhà hóa chất:

Nhà hóa chất có kích thước tổng cộng là $8\text{m} \times 24\text{m}$, được chia thành 4 phòng theo chức năng. Nhà hóa chất được xây dựng với móng, khung, cột, mái bằng BTCT đổ tại chỗ, tường xây gạch.

* Gian kho chứa vôi, phèn: Kích thước $8\text{m} \times 8\text{m}$, đủ diện tích chứa được lượng vôi, phèn dùng trong 2 tháng.

* Gian pha chế và tiêu thụ vôi: Kích thước $8\text{m} \times 6\text{m}$. Tại đây có 3 thùng (tôi, lắng, tiêu thụ) đường kính $1,5\text{m}$. Lắp đặt 2 máy bơm định lượng vôi có thông số kỹ thuật: $q = 200 \text{ l/h}$, $H = 50\text{m}$. Lắp đặt 3 máy quạt $N = 2 \text{ kW}$.

* Gian pha chế và tiêu thụ phèn: Kích thước $8\text{m} \times 6\text{m}$. Tại đây có 2 bể tiêu thụ, dung tích mỗi bể là 12m^3 . Lắp đặt 2 máy bơm định lượng phèn có thông số kỹ thuật: $q = 0,5 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 50 \text{ m}$. Lắp đặt 2 máy quạt $N = 2 \text{ kW}$.

* Gian Clo: Kích thước $8\text{m} \times 4\text{m}$. Lắp đặt 2 máy châm Clo loại $0 - 4 \text{ kg/h}$ (1 hoạt động, 1 dự phòng), gắn trực tiếp trên bình, có bộ chuyển đổi nguồn tự động. Đặt 3 bình Clo loại 900 kg/bình . Đặt 1 cân bàn loại $0 - 2.000 \text{ kg}$. Lắp đặt quạt hút gió, hệ thống phun dung dịch vôi, thiết bị báo hiệu rò rỉ Clo.

9.3.7. Hồ lắng - phơi bùn:

Xây dựng 4 hồ lắng, phơi bùn, kích thước mỗi hồ 16m x 35m x 1,8m. Vách bờ hồ được đổ BTCT. Đầu nước vào và nước ra của hồ lắng, phơi bùn đều có cửa kiểm soát.

9.3.8. Các hạng mục phụ trợ khác:

- Cổng, hàng rào: Hàng rào có móng trên cọc BTCT, xây gạch và thép hình. Tổng chiều dài của cổng, hàng rào là 740m.

- San nền: San nền cho nhà máy xử lý đến cao độ 164m.

- Sân đường nội bộ: Sân làm bằng tấm đan BTCT, đường nội bộ làm bằng bê tông nhựa.

- Nhà hành chánh: Kích thước mặt bằng 12m x 23m (1 trệt, 1 lầu).

- Nhà kho xường: Kích thước mặt bằng 6m x 14m.

- Nhà để xe : Kích thước mặt bằng 5m x 12m.

- Cây xanh.

- Đường ống kỹ thuật, thoát nước cho nhà máy xử lý.

9.3.9. Hệ thống điện:

- Nhà trạm máy phát dự phòng kích thước 6m x 12m. Lắp đặt máy phát dự phòng có công suất 400 KVA.

- Trạm biến áp 320 KVA - 22/0,4KV, loại đặt trên bệ bê tông.

- Lắp đặt 200m đường dây trung thế 22 KV.

- Lắp đặt đường dây hạ thế từ máy biến áp tới các phụ tải tiêu thụ điện.

9.4. Mạng lưới chuyên tải phân phối nước sạch:

Lắp đặt tổng cộng 58.360m ống các loại và các phụ tùng, thiết bị trên mạng, gồm:

- Ống HDPE D710:	6.660m
- Ống HDPE D630:	1.635m
- Ống HDPE D355:	11.395m
- Ống HDPE D280:	3.670m
- Ống HDPE D225:	3.000m
- Ống HDPE D180:	7.000m
- Ống HDPE D125:	15.500m
- Ống HDPE D63:	15.000m
- Ống HDPE D20:	15.000 m

- Đồng hồ lưu lượng D15: 4.000 cái
- Trụ cứu hỏa: 80 cái
- Phụ kiện tổng cho các tuyến.

9.5 Thiết bị phục vụ quản lý vận hành:

Stt	Tên vật tư - thiết bị	Đơn vị	Khối lượng
1	Bơm ly tâm trục ngang : Q = 420 m ³ /h, H = 95 m, N = 250 kw	Bộ	3
2	Bơm ly tâm trục ngang : Q = 420 m ³ /h, H = 15 m, N = 27 kw	Bộ	2
3	Bơm ly tâm trục đứng : Q = 640 m ³ /h, H = 15 m, N = 35 kw	bộ	3
4	Máy bơm gió : q = 1.360 m ³ /h, H = 5 m, N = 30 kw	Bộ	1
5	Máy bơm rị rì: q= 1,5m ³ /h;H=50m	Bộ	3
6	Máy bơm định lượng vôi : q = 500 l/h, H = 50 m	Bộ	2
7	Máy bơm định lượng phèn : q = 500 l/h, H = 50m	Bộ	2
8	Động cơ quây N = 2 kw	Bộ	5
9	Máy châm Clo loại 0 – 4 kg/h	Bộ	2
10	Bình Clo loại 900 kg	Cái	3
11	Cân bàn loại 0 – 2.000 kg	Cái	1
12	Máy biến áp 320 KVA	Bộ	2
13	Máy biến áp 560 KVA	Bộ	1
14	Máy phát điện 400 KVA	Bộ	1
15	Máy phát điện 700 KVA	Bộ	1
16	Thiết bị xét nghiệm mẫu nước	Bộ	1
17	Xe tải nhẹ có cầu	Bộ	1
18	Máy phát điện nhỏ	Bộ	1
19	Máy hàn	Bộ	1



Stt	Tên vật tư - thiết bị	Đơn vị	Khối lượng
20	Máy cắt ống	Bộ	1
21	Máy khoan nối ống	Bộ	1
22	Dụng cụ lắp ống	Bộ	1
23	Hệ thống scanda cho nhà máy	Bộ	1
24	Máy vi tính, máy in	Bộ	3

10. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình cấp thoát nước;
- Cấp công trình: Công trình cấp III.

11. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Đền bù tái định cư: Theo bảng kế hoạch đền bù tái định cư của tiểu dự án đã được lập theo khung chính sách đền bù tái định cư của dự án được Bộ Xây dựng chuẩn bị và phê duyệt tại Quyết định số 1084/QĐ-BXD ngày 15/12/2010 theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1759/TTg-QHTH ngày 28/9/2010.

- Mặt bằng xây dựng công trình thu - trạm bơm cấp 1: Sử dụng đất bờ hồ thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Dịch vụ thủy lợi Bình Phước đã được đền bù giải tỏa trước khi xây dựng hồ Đồng Xoài, mặt bằng đất trống, không có dân cư, cây cối.

- Mặt bằng xây dựng các hạng mục cụm xử lý nước - trạm bơm cấp 2: Sử dụng mặt bằng đất trồng cây cao su của Công ty cổ phần Cao Su Đồng Phú đã hết tuổi thu hoạch.

Mặt bằng xây dựng tuyến ống chuyển tải và phân phối: Tận dụng các lề đường, lấp đặt kết hợp theo vị trí các hạng mục hạ tầng khác, thi công đến đâu hoàn trả mặt bằng hiện trạng đến đó.

- Khu đất của Công ty CP Cao Su Đồng Phú 39.600m² xây dựng nhà máy.

- Khu đất của Công ty TNHH MTV Dịch vụ thủy lợi Bình Phước 900m² dùng để xây dựng trạm bơm cấp 1.

- Diện tích đất tạm thời thu hồi khi xây dựng trên vỉa hè là 23.120 m²

- Diện tích đất tạm thời thu hồi khi xây dựng phần ống cất ngang đường là 1.023 m²

- Tất cả các ống trong mạng lưới phân phối có đường kính D125-D630, vì vậy thời gian thi công của các loại ống đó rất nhanh nên các hộ dân trên tuyến ống đi qua không cần phải ngưng các hoạt động buôn bán, kinh doanh, sản xuất nhưng trước khi đơn vị thi công triển khai công việc trên tuyến đường phải thông báo với cơ quan quản lý và người dân trong thị xã biết.

Tất cả các chi phí thu hồi đất, đền bù và tái định cư của tiêu dự án được sử dụng từ nguồn ngân sách đối ứng của tỉnh và vốn tự có của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

- Việc bồi thường giải phóng mặt bằng được thực hiện theo các quy định hiện hành.

12. Tổng mức đầu tư: **15.768.410 USD** tương đương **307.484.000.000** đồng, (tỷ giá 1 USD = 19.500 VND)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	220.157.625.830 VND
- Chi phí thiết bị:	22.006.825.976 VND
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:	983.027.000 VND
- Chi phí quản lý dự án:	2.582.304.675 VND
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	13.582.054.711 VND
- Chi phí khác:	4.062.289.993 VND
- Chi phí hỗ trợ kỹ thuật:	4.603.747.586 VND
- Chi phí dự phòng:	39.506.124.229 VND

13. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng mức đầu tư của dự án là **15.768.410 USD**, tương đương **307.484.000.000** đồng (tỷ giá 1 USD = 19.500 VND),

Trong đó:

- Vốn vay ODA theo chương trình Ngân Hàng Thế Giới (WB): 88% tương ứng với 13.846.355 USD (nguồn vốn vay IDA) tương đương với 270.003.922.000 VND (tính vay lại Chính phủ theo Nghị định 78/2010/NĐ-CP về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ ngày 14 tháng 07 năm 2010)

- Vốn ngân sách là 12 % tương ứng với 1.922.055 USD, tương đương với 37.480.078.000 VND

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2011 - 2015.

16. Các nội dung khác: Khi triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công, chủ đầu tư phải thực hiện hoàn chỉnh các nội dung còn tồn tại theo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Sở Xây dựng tại Văn bản số 701/SXD-KT&QLXD ngày 08/10/2010.

Điều 2. Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước là Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung đã nêu tại Điều 1.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND tỉnh.

Điều 4. Các ông/bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND thị xã Đồng Xoài, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 4;
- LĐVP, phòng: KT, SX;
- Lưu: VT, 15.

